

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7274/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Hiệp Phước,
huyện Nhà Bè giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 -2020;

Xét Tờ trình số 62/TTr-BQL ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè giai đoạn 2013 - 2015 có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè, ý kiến đề xuất của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới Thành phố tại Thông báo số 361/TB-TCT ngày 19 tháng 11 năm 2012 và Thông báo số 135/TB-TCT ngày 10 tháng 6 năm 2013; đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 2366/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 04 tháng 12 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè giai đoạn 2013 - 2015 (theo nội dung đề án đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè,

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hiệp Phước nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hiệp Phước và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước - huyện Nhà Bè có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Xây dựng nông thôn mới xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè
giai đoạn 2013 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 7274/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Phần I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ HIỆP PHƯỚC - HUYỆN NHÀ BÈ

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Đặc điểm tự nhiên

Xã Hiệp Phước nằm phía Đông Nam Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm Thành phố khoảng 19 km.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp sông Soài Rạp;
- Phía Tây giáp xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;
- Phía Nam giáp sông Soài Rạp;
- Phía Bắc giáp xã Long Thới, huyện Nhà Bè;

Diện tích tự nhiên: 3.802,19ha, chiếm 38,02% diện tích tự nhiên của huyện. xã Hiệp Phước có 4 ấp, dân cư phân bố tập trung theo trục lộ chính là đường Nguyễn Văn Tạo.

2. Dân số

- Dân số toàn xã là 14.481 nhân khẩu (bao gồm cả hộ đăng ký tạm trú KT3) trong đó, nữ 7.082 người, chiếm 48,91%; 3.310 hộ gia đình. Mật độ dân số bình quân 379 người/km².

- Dân số của xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở tuyến đường Nguyễn Văn Tạo; Phan Văn Bảy và Khu công nghiệp Hiệp Phước; tỷ suất sinh 12,48‰. Thời

gian qua do làm tốt công tác kế hoạch hóa gia đình, nên công tác dân số đạt được kết quả đáng khích lệ.

- Lực lượng lao động xã Hiệp Phước với 7.956 người, chiếm 54,94% dân số toàn xã. Trong đó, lao động làm việc trong các ngành kinh tế, cụ thể trong lĩnh vực nông nghiệp là 252 người, chiếm 6,78%; 2.466 người làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, chiếm 66,32%; lao động làm việc trong thương mại - dịch vụ là 1.000 người, chiếm 26,9%. Hiện tại xã Hiệp Phước có 41,65% lao động đã qua đào tạo từ sơ cấp nghề trở lên. Số lượng lao động trong độ tuổi còn đang đi học chiếm 9% lực lượng lao động của xã.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI

1. Quy hoạch

Xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè được quy hoạch xây dựng Khu đô thị cảng (Quyết định số 4948/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Khu đô thị cảng Hiệp Phước, huyện Nhà Bè).

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

- Xã Hiệp Phước có 2 tuyến giao thông chính là tuyến Nguyễn Văn Tạo và tuyến Phan Văn Bảy là 2 tuyến huyết mạch. Đây là những tuyến giao thông quan trọng cho phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của xã.

- Hiện trạng hệ thống đường giao thông của xã, tổng chiều dài 36,3 km; gồm:

- + Đường trục xã, liên xã: 6,3 km; trong đó, đã được nhựa hóa 4,1km;
- + Đường trục ấp, liên ấp: 8,1 km; trong đó, đã được nhựa hóa, bê tông 3,2 km;
- + Đường ngõ xóm (tổ): 21,9 km;

b) Thủy lợi

Xã Hiệp Phước được bao bọc bởi sông Soài Rạp và hệ thống kênh, rạch chằng chịt có chức năng chủ yếu là tiêu thoát nước (gồm các rạch: rạch Bà Le, Rạch Ngã Tư, Rạch Dộp, Rạch Mương Lớn, Rạch Già, Rạch Giồng); tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đường thủy và phát triển sản xuất tại địa phương. Bên cạnh đó, cũng gặp nhiều bất lợi do có nhiều đoạn xung yếu có nguy cơ sạt lở, gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân. Vì vậy cần được đầu tư xây dựng bờ kè kết hợp với đường giao thông nông thôn phục vụ nhu cầu đi lại cho người dân.

c) Điện

- Xã có hệ thống lưới điện được phủ kín trên toàn xã với tổng chiều dài 112,53 km, trong đó đường dây trung thế 47,892 km, đường dây hạ thế 64,638 km; có 139 trạm điện, với công suất 113.438 KVA.

- Tất cả các tuyến đường chính đều có bóng đèn chiếu sáng, 100% hộ dân sử dụng điện trực tiếp từ lưới điện quốc gia. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn trên địa bàn xã đạt 100%.

d) Trường học

Số trường trên địa bàn xã là 4 trường. Trong đó; 1 trường trung học cơ sở, 2 trường tiểu học và 1 trường mầm non. Cụ thể:

Trường mầm non Sao Mai: Với 12 phòng học, hiện có 456 cháu/12 lớp và 26 giáo viên, trường có 2 phòng chức năng, 100% giáo viên đạt chuẩn. Tuy nhiên, sân trường và 4 phòng học thường bị ngập nước do thủy triều, trời mưa; 4 phòng học đang mượn của Nhà văn hóa xã và cơ sở vật chất của trường vẫn chưa đạt chuẩn theo quy định. Xã có 1 dự án xây dựng trường mầm non dạng lắp ghép tại khu đất công (15.000 m²) gần Ủy ban nhân dân xã.

Trường tiểu học: Xã có 2 trường tiểu học (Trường tiểu học Dương Văn Lịch, Trường tiểu học Nguyễn Văn Tạo) với 37 lớp và 1.205 học sinh, 44 giáo viên, 23 phòng chức năng; trong đó, Trường tiểu học Dương Văn Lịch là trường đạt chuẩn quốc gia.

Trường Trung học cơ sở: Trường THCS Hiệp Phước với 20 lớp với trên 715 học sinh, 38 giáo viên, 100% giáo viên đạt chuẩn, có 9 phòng chức năng.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Hiện trên địa bàn xã có 1 Nhà văn hóa xã, tại 4 ấp đều có trụ sở ban nhân dân ấp, là nơi hoạt động làm việc và hội họp của ban nhân dân ấp, đoàn thể, chi tổ hội ấp... Tuy nhiên, hiện nay nhiều hạng mục của Nhà văn hóa - thể thao xã đã bị xuống cấp cần được cải tạo, nâng cấp; đồng thời nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho trụ sở các ấp thành điểm sinh hoạt văn hóa thay cho nhà văn hóa ở ấp.

- Xã có một đài truyền thanh và 6 cụm loa phân bố đều trên 4 ấp, phát thanh 2 buổi/ngày, tuy nhiên hệ thống các cụm loa chưa đạt chuẩn.

e) Chợ

Xã Hiệp Phước có 2 chợ (Chợ Cầu Kinh có diện tích 3.200 m² với 141 sạp và Chợ ấp 3 với diện tích 582 m² có 65 sạp) với 120 tiểu thương tham gia buôn bán các sản phẩm phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho người dân. Về quy mô 2 chợ vẫn còn nhỏ chưa đáp ứng được nhu cầu mua bán.

g) Bưu điện

- Xã có 1 bưu điện văn hóa xã và 1 bưu cục phục vụ cơ bản nhu cầu của người dân. Ngoài ra, tại mỗi ấp đều có các điểm phục vụ bưu chính viễn thông và có đường truyền Internet đến ấp.

- Hệ thống thông tin liên lạc: Đa số người dân trong xã đều sử dụng hệ thống thông tin liên lạc, điện thoại di động và điện thoại cố định (bình quân 3 hộ thì có 1 máy điện thoại cố định).

h) Nhà ở dân cư nông thôn

Tổng số nhà ở trên địa bàn xã khoảng 2.468 căn, đa số là cấp 4, tỷ lệ nhà đạt chuẩn chiếm 40%. Hiện trên địa bàn xã còn một số căn nhà tạm phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hàng năm, xã đều thực hiện vận động xây dựng mới và sửa chữa các căn nhà tình thương xuống cấp, góp phần xóa cơ bản nhà tạm trên địa bàn xã.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

- Trong cơ cấu kinh tế: Hiệp Phước là xã nông thôn ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh, là xã có tốc độ đô thị hóa nhanh, được quy hoạch là đô thị cảng, có 01 khu công nghiệp nên cơ cấu kinh tế hiện nay: Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (49,48%) - Thương mại, dịch vụ (38,11%) - Nông nghiệp (12,41%).

- Thu nhập bình quân đầu người: 15,7 triệu đồng/người/năm (Thu nhập bình quân đầu người huyện 15 triệu đồng/người/năm).

- Số lượng hộ nghèo: theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm là 343 hộ, chiếm tỷ lệ 10,58% trên tổng số hộ toàn xã.

b) Lao động

- Số lao động trong độ tuổi là 7.956 người, chiếm 55% dân số toàn xã. Trong đó, lao động làm việc trong các ngành kinh tế, cụ thể trong lĩnh vực nông nghiệp là 252 người, chiếm 6,78%; 2.466 người làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công

ng nghiệp, xây dựng, chiếm 66,32%; lao động làm việc trong thương mại - dịch vụ là 1.000 người, chiếm 26,9%.

- Lao động phân theo trình độ chuyên môn là 3.313 người (chiếm 41,65%) lao động đã qua đào tạo sơ cấp trở lên (trong đó 8,5% lao động có trình độ chuyên môn từ Trung cấp, Cao đẳng và Đại học). Trong thời gian tới cần có những chính sách hỗ trợ, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho số lao động trên địa bàn xã.

c) Hình thức tổ chức sản xuất

Hiệp Phước chịu tác động khá lớn của quá trình đô thị hóa, diện tích đất sản xuất nông nghiệp hiện đang giảm mạnh. Do đặc thù địa bàn được bao quanh bởi nhiều con sông rạch và điều kiện tự nhiên thích hợp cho nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi tôm, hiện trên địa bàn xã có 1 tổ hợp tác nuôi tôm thẻ, hoạt động ổn định.

4. Văn hoá, xã hội và môi trường

a) Văn hóa - giáo dục

- Địa bàn xã được chia làm 4 ấp, trong năm 2012 có 3/4 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa, đạt tỷ lệ 75%; 2.186 hộ đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa, tỷ lệ 90,63%.

- Phổ cập giáo dục trung học: xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học. Phổ cập bậc trung học từ 18 - 21 tuổi đạt tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề đạt tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 41,65%.

- Phổ cập giáo dục mầm non trẻ em dưới 5 tuổi: đạt 100%.

- Xóa mù chữ theo quy định của ngành giáo dục đào tạo: đạt 100%.

b) Y tế

- Xã có trạm y tế với 10 giường bệnh và 4 y sĩ, 1 bác sĩ, 2 điều dưỡng, 1 nữ hộ sinh, 1 nhân viên dược. Trạm y tế nằm dọc lộ giới đường thủy nên xã đã có chủ trương xây dựng Trạm y tế mới tại khu dân cư Hiệp Phước (29 ha). Bình quân hàng năm số lượt người khám bệnh trên 8.952 lượt người. Ngoài ra, trên địa bàn xã có 3 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân.

- Bên cạnh việc khám và điều trị bệnh, trạm y tế cũng không ngừng đẩy mạnh vận động, tuyên truyền người dân tích cực tham gia các hình thức bảo hiểm, đạt tỷ lệ 25,5% dân số toàn xã.

c) Môi trường

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 100% hộ dân tại xã dùng nước sạch hợp vệ sinh, xã có 1 trạm cấp nước sinh hoạt, 8 trạm cấp nước tư nhân và 3 điểm tiếp nhận nước do giếng nước Long Hậu cung cấp và 471 được gắn đồng hồ nước của công ty Cổ phần cấp nước Nhà Bè.

- Tình hình xử lý chất thải: 100% số hộ có đăng ký thu gom rác dân lập, những hộ còn lại do điều kiện đường giao thông nông thôn nên xe rác không vào tới điểm nhưng các hộ dân cam kết tự tiêu hủy rác theo đúng quy định. Hiện tại xã đang tiếp tục vận động số hộ còn lại tham gia đăng ký thu gom rác tập trung để bảo vệ môi trường và sức khỏe của người dân.

- Trên địa bàn xã không có quy hoạch nghĩa trang. Trên địa bàn xã không có chôn cất trên đất của gia đình, hình thành nên các nghĩa trang gia tộc.

5. Hệ thống chính trị và tình hình an ninh trật tự - xã hội

a) Hệ thống chính trị của xã

- Số lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước được giao năm 2013 là 44 người: trong đó có 24 cán bộ và công chức, 20 cán bộ không chuyên trách. Số lượng hiện có tính đến tháng 5 năm 2013 là 11 cán bộ, 11 công chức, 17 cán bộ không chuyên trách.

- 1 Đảng bộ cơ sở: có 12 chi bộ trực thuộc, với 140 đảng viên. Trong đó 4 chi bộ ấp, 1 chi bộ cơ quan, 1 chi bộ Y tế, 4 chi bộ trường học, 1 chi bộ Công an và 1 chi bộ quân sự. Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh.

- Về trình độ chính trị: Cao cấp chính trị 4 người, trung cấp 13 người, sơ cấp 14 người.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: hoạt động xuất sắc.

+ Mặt trận Tổ quốc: có 4 ban công tác mặt trận ở 4 ấp với 31 thành viên.

+ Hội Cựu chiến binh: có 4 chi hội trực thuộc với 125 hội viên.

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ: có 4 chi hội, tổng số hội viên của hội là 2.350 người.

+ Hội Nông dân: có 4 chi hội với 860 hội viên.

+ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: có 11 chi đoàn trực thuộc với 267 đoàn viên.

b) An ninh trật tự xã hội

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ

vững ổn định; công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, mô hình tổ tự quản được phát huy sức mạnh nên đã chủ động ngăn ngừa phòng chống các loại tội phạm về tệ nạn xã hội. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Trong công tác tuyển quân hàng năm tỷ lệ giao quân đạt 100% so với chỉ tiêu và chất lượng chính trị trong công tác tuyển quân được nâng cao, năm sau cao hơn năm trước. Ngoài ra xã đã thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ HIỆP PHƯỚC - HUYỆN NHÀ BÈ ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng xã Hiệp Phước trở thành xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, áp dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng xã Hiệp Phước trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể

* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về NTM theo từng giai đoạn, cụ thể:

- Năm 2012: có 6/19 tiêu chí đạt chuẩn (tiêu chí: 4, 8, 12, 13, 18, 19);

- Năm 2013: phấn đấu đạt 8/19 tiêu chí đạt chuẩn (đạt thêm 2 tiêu chí: 1, 16);

- Năm 2014: phấn đấu đạt 13/19 tiêu chí đạt chuẩn (đạt thêm 5 tiêu chí: 3, 5, 7, 9, 15);

- Năm 2015: phấn đấu đạt 19/19 tiêu chí đạt chuẩn (đạt thêm 6 tiêu chí: 2, 6, 10, 11, 14, 17).

* Nội dung thực hiện cụ thể:

- Thu nhập bình quân đầu người/năm gấp từ 1,5 - 1,8 lần so với khi xây dựng đề án. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm) đến cuối năm 2014 cơ bản không còn hộ nghèo.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm đến năm 2015 là 95%. Đào tạo nghề cho 300 - 400 lao động/năm; giới thiệu, giải quyết việc làm cho 300 - 350 lao động/năm.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh, hiệu quả cao.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng, chống ngập do triều cường, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa.

- Trường học, trạm y tế, cơ sở vật chất văn hóa được nâng cấp đạt chuẩn.

- Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với 4/4 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 90%; tỷ lệ người tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên đạt 30% và tham gia các hoạt động văn nghệ đạt 20%; tỷ lệ đám cưới, đám tang thực hiện nếp sống văn hóa đạt 85%.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, hoạt động của các hội, đoàn thể thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Trong đó, tỷ lệ cán bộ xã đạt chuẩn là 100%; hoạt động của Đảng bộ, chính quyền và tổ chức đoàn thể chính trị đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và từ tiên tiến trở lên. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch

a) Mục tiêu: đạt tiêu chí số 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Thực hiện theo định hướng quy hoạch Hiệp Phước trở thành khu đô thị cảng của Thành phố.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

a) Giao thông

- Mục tiêu: Đạt tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

Tập trung phát triển đồng bộ và bền vững mạng lưới giao thông của xã, bảo đảm:

+ Đường nối giữa các xã hay từ trung tâm hành chính xã tới các ấp được nhựa hóa hay bê tông hóa đạt chuẩn kỹ thuật;

+ Đường trục nối giữa các ấp, xóm được cứng hóa đạt chuẩn kỹ thuật;

+ Đường nối giữa các tổ trong ấp, liên tổ sạch và không lầy lội vào mùa mưa.

+ Cải tạo, nâng cấp bê tông xi măng (không cốt thép) các tuyến hẻm chính và các tuyến nhánh với chiều dài 17.390 m.

+ Xây mới 5 cầu và sửa chữa 6 cầu đã lâu năm.

b) Thủy lợi

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Nâng cao chất lượng, hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã. Xây dựng, gia cố bờ kè nhằm chống sạt lở tại các tuyến rạch.

+ Bờ kè rạch Mương Lớn giai đoạn I: 150 m;

+ Bờ kè rạch Mương Lớn giai đoạn II: 150 m.

c) Điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Nâng cao chất lượng hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã; 100% số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên và an toàn từ các nguồn điện của xã.

+ Vận động, tuyên truyền người dân sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm, mạng lưới điện phân phối tại xã được cải tạo và phát triển nhằm đáp ứng các yêu cầu về an toàn về môi trường và thuận lợi, hiệu quả kinh tế cho người sử dụng điện.

+ Hoàn thiện hệ thống điện đảm bảo về lưới điện phân phối, trạm biến áp, đường dây hạ thế, chất lượng điện áp, khoảng cách an toàn và hành lang an toàn và hành lang bảo vệ.

d) Trường học

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;
- Nội dung thực hiện:

Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã. Đến năm 2015, 100% trường học cấp mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở được đầu tư nâng cấp đạt chuẩn quốc gia.

- + Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Trường mầm non Sao Mai.
- + Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Trường tiểu học Dương Văn Lịch.
- + Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí nông thôn mới.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;
- Nội dung thực hiện:

Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã:

- + Nâng cấp hạng mục của Nhà văn hóa - thể thao xã;
- + Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị văn phòng áp 1 và 4;
- + Xây mới, bổ sung trang thiết bị văn phòng áp 2 và 3.

e) Chợ nông thôn

- Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;
- Nội dung thực hiện: Nâng cấp chợ Cầu Kinh đạt chuẩn quốc gia theo Bộ tiêu chí nông thôn mới. Cải tạo chợ Ấp 3 nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân.

g) Bưu điện

- Mục tiêu: đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;
- Nội dung thực hiện: Nâng cấp trang thiết bị bưu điện văn hóa xã đáp ứng tốt hơn nhu cầu trao đổi thông tin, liên lạc của dân cư nông thôn. Ứng dụng công nghệ thông tin giúp nâng cao năng lực quản lý, theo dõi và giám sát quy trình sản xuất, phân phối, tiếp thị.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;
- Nội dung thực hiện:

+ Chinh trang nhà ở các khu dân cư nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển, định hướng các tiêu chí nhà mẫu ở nông thôn với kiểu nhà đơn giản, hài hòa với không gian nông thôn, tập quán truyền thống tại địa phương.

- + Di dời các căn nhà nằm trong khu vực sạt lở.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;
- Nội dung thực hiện:

Xây dựng các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên và phát triển kinh tế của xã nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh, môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- + Mô hình hoa lan, cây kiểng: quy mô dự kiến 4 ha;
- + Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng: quy mô dự kiến 100 ha
- + Mô hình nuôi cá kết hợp với các dịch vụ câu cá giải trí: quy mô dự kiến 8 ha.
- + Mô hình kinh doanh nhà trọ cho thuê đạt yêu cầu sinh hoạt
- + Thực hiện các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.
- + Mô hình tổ phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình thông qua mô hình may gia công.
- + Mô hình thanh niên lập nghiệp thông qua các nghề dịch vụ như chụp ảnh, sửa chữa máy vi tính, điện thoại; sửa chữa xe gắn máy.

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Tiếp tục triển khai chương trình giảm nghèo giai đoạn 3 của thành phố đạt thu nhập trên 12 triệu/người/năm. Phấn đấu đến năm 2014 cơ bản không còn hộ nghèo (0,5%)

+ Thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện: Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn, gồm:

+ Ban quản lý xã liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện để có kế hoạch đào tạo nghề và tạo việc làm cho người dân góp phần ổn định cuộc sống với phương châm nghề hướng đến cung cấp cho các doanh nghiệp, các khu công nghiệp đóng trên địa bàn xã hay các địa bàn lân cận. Từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp.

+ Thực hiện lồng ghép các chương trình dạy nghề cho người dân biết về quản lý kinh tế, vững về kỹ thuật, khả năng tiếp thị; cán bộ xã giỏi về phát triển nông thôn, là nòng cốt góp phần quan trọng trí thức hóa nông thôn.

d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể, hướng đến hình thành ít nhất một tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.

+ Bồi dưỡng, đào tạo các chức danh tổ trưởng tổ hợp tác, chủ nhiệm, ban quản trị phải được nâng cao về năng lực quản lý.

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính, máy in)

4. Giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường

a) Giáo dục

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Ban quản lý xây dựng nông thôn xã phối hợp với các đoàn thể nắm bắt các trường hợp trẻ em bỏ học và kịp thời có sự hỗ trợ, động viên các em đến trường. Đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường được học tập.

+ Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động: nhóm chuyển dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm chủ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã.

b) Y tế

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây mới đạt chuẩn trạm y tế nhằm đảm bảo việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân, tăng công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng dân cư đạt kết quả tốt.

+ Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực y tế, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015 tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 100%.

+ Hình thức do ngân sách nhà nước hoặc quỹ bảo hiểm xã hội đóng bảo hiểm y tế, áp dụng đối với các đối tượng như người nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; trẻ em dưới 6 tuổi; cựu chiến binh; thân nhân người có công, quân đội, công an; người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp bảo hiểm xã hội; đạt tỷ lệ 100%.

+ Hình thức tự đóng toàn bộ phí bảo hiểm y tế hoặc được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần mức đóng bảo hiểm y tế, áp dụng cho các đối tượng còn lại kể cả những người lao động trong doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước nhưng đăng ký hộ khẩu thường trú sinh sống trên địa bàn xã.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đạt tiêu chí 16 Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

+ Thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng nội dung bảo vệ phát triển môi trường nhằm nâng cao trách nhiệm của cán bộ cơ sở và có căn cứ để người dân giám sát chính quyền.

+ Xây dựng, cải tạo hệ thống tiêu thoát nước thải, nơi đổ rác chung cho cộng đồng; hệ thống cấp nước sinh hoạt...

+ Bắt buộc các hộ chăn nuôi xây dựng hầm biogas, mỗi ấp có 01 tổ chức thu gom, xử lý rác thải tại khu tập trung.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng thông qua việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, bức xúc của người dân tại xã.

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã. Các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

+ Xây dựng thiết thực phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới”; phát huy dân chủ cơ sở để dân có cơ hội tham gia và giám sát các hoạt động xây dựng nông thôn mới theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

+ Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước các tổ chức tự quản về an ninh, trật tự, phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu.

+ Đề xuất chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, ấp, tổ hoàn thành

nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, dự kiến: 417.759 triệu đồng, gồm:

1. Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: **241.720 triệu đồng** (chiếm 62,09%)
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 176.039 triệu đồng (chiếm 37,91%).

B. Nguồn vốn:

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: **229.789** triệu đồng, chiếm 55%; trong đó:
 - + Vốn nông thôn mới: 211.440 triệu đồng, chiếm 50,6%.
 - + Vốn lồng ghép: 18.349 triệu đồng, chiếm 4,4%
 - * Vốn tập trung: 4.650 triệu đồng;
 - * Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;
 - * Vốn sự nghiệp: 13.699 triệu đồng.
2. Vốn cộng đồng: **107.970** triệu đồng, chiếm 25,8%; trong đó:
 - + Vốn dân: 83.050 triệu đồng;
 - + Vốn doanh nghiệp: 24.920 triệu đồng.
3. Vốn tín dụng: **80.000** triệu đồng, chiếm 19,1%.
 - * Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: từ nay đến hết năm 2015.
2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.
3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ
 - Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn

lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

- Thực hiện theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để

thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

b) Quản lý đầu tư và xây dựng

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2013 - 2020.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hiệp Phước.

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Phân công các Phòng ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn

của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hiệp Phước xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2012 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hiệp Phước triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện và xã Hiệp Phước; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Hiệp Phước cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Hiệp Phước.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới Hiệp Phước, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Hiệp Phước.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm